

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2023/DS-ST
Ngày 12 - 12 - 2023
Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Mộng Chi

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Việt Bắc

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Yến Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Duy**- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 244/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Ly N, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Kh T, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Kiều D, sinh năm: 1982 (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1980; tên thường gọi Minh Dương (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Ly N trình bày:*

Giữa bà và vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Kiều D có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng bà D, ông S vay bà một số tiền cụ thể như sau: Ngày 08 tháng 07 năm 2021 âm lịch bà D và ông S vay của bà số tiền vốn là 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng đóng lãi hàng tháng. Vợ chồng Sùng và bà D đã đóng lãi cho bà đến tháng 01 năm 2022, từ ngày 08 tháng 2 năm 2022 âm lịch đến tháng 6 năm 2023 âm lịch là 18 tháng vợ chồng ông S, bà D không đóng lãi cho bà. Bà yêu cầu ông S, bà D trả lãi cho bà theo lãi suất là 1,66%/tháng với số tiền

57.600.000 đồng. Đối với số tiền vay này ông S có trả cho bà được 3.500.000 đồng nên bà đồng ý trừ vào số tiền gốc cho ông S và bà D nên số tiền vay gốc còn nợ là 196.500.000 đồng.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021 âm lịch bà Nguyễn Kiều D có nợ của bà tiền 90.000.000 đồng và bà D có ký giấy nhận nợ cho bà.

Tổng số tiền và yêu cầu bà Nguyễn Kiều D và ông Nguyễn Văn S trả cho bà gồm: Số tiền vay gốc là 196.500.000 đồng; tiền lãi 57.600.000 đồng và số tiền 90.000.000 đồng, tổng cộng là 347.600.000 đồng. Tại phiên tòa bà Ly N yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Kiều D trình bày:

Bà có nợ bà Ly N số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và tiền hui là 90.000.000 đồng và bà có ký nhận nợ cho bà Na. Bà Na khởi kiện yêu cầu bà trả tiền thì bà đồng ý trả số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và tiền hui 90.000.000 đồng đối với khoản lãi thì bà yêu cầu không trả lãi vì hoàn cảnh gia đình khó khăn không có điều kiện để trả. Đây là khoản nợ chung giữa bà và anh Sông trong quá trình chung sống và bà vay dùng vào việc kinh doanh phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng cùng trả cho bà Ly N.

- Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Đối với khoản vay 200.000.000 đồng bà D vay của bà Na, ông có trả được cho bà Ly N 5.000.000 đồng, chỉ đưa cho bà Na chứ không có làm giấy tờ, ông đồng ý cùng với bà D trả cho bà Ly N khoản vay này. Đối với khoản tiền nợ 90.000.000 đồng ông không biết nên không đồng ý trả.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau trình bày quan điểm:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến ngày đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 288, 464, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ly N. Buộc bà Nguyễn Kiều D và ông Nguyễn Văn S liên đới trả cho bà Ly N số tiền vay gốc 196.500.000 đồng; lãi suất 15.840.000 đồng và tiền mượn 90.000.000 đồng. Án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về lệ phí, án phí của Tòa án: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Bà Lê Ly N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Kiều D trả tiền. Xét thấy, đối với số tiền 90.000.000 đồng bà D cho rằng là bà Na đưa tiền hui tuy nhiên tại phiên tòa bà Na và bà D đều xác định bà Na và bà D đều không phải chủ hui hoặc hui viên mà bà Na đưa tiền cho bà D sau đó tính lãi rồi chia đều ra trả, vì đó bà D không có khả năng trả nên bà Na và bà D mới chốt

lại số tiền bà D nợ bà Na. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Đối với việc bà Lê Ly N yêu cầu bà D, ông S trả cho bà số tiền vay gốc đã vay 200.000.000 đồng.

Xét thấy, việc bà D, ông S vay tiền của bà Lê Ly N là có thật thể hiện tại biên nhận ghi trên giấy tập học sinh (bút lục 03) và được bà D, ông S thừa nhận và đồng ý trả cho bà Na. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Na đối với bà D, ông S về việc trả tiền vay. Đối với khoản vay này, bà Na xác định về sau ông S có trả cho bà được 3.500.000 đồng còn ông S cho rằng đã trả 5.000.000 đồng nhưng ông S không có gì chứng minh đã trả cho bà Na 5.000.000 đồng nên số tiền ông S trả được trừ đối trừ vào tiền gốc là 3.500.000 đồng, còn nợ 196.500.000 đồng.

Xét yêu cầu yêu cầu tính lãi đối với số tiền 200.000.000 đồng của bà Na thấy rằng: giữa bà Ly N và bà D khi vay có thỏa thuận tiền lãi nhưng bà D và bà Na không xác định cụ thể mức lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, bà Na và bà D đều đồng ý tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 468 quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*” nên số tiền lãi của khoản vay được tính như sau: từ ngày 08/7/2021 âm lịch tính đến ngày 08/6/2023 âm lịch là 200.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 24 tháng = 39.840.000 đồng, tại phiên tòa bà Ly N xác định đối với khoản vay này bà D đã trả lãi cho bà được 24.000.000 đồng nên được đối trừ; bà D, ông S phải trả tiếp số tiền lãi 15.840.000 đồng;

Đối với việc bà Na yêu cầu bà D, ông S trả số tiền 90.000.000 đồng.

Bà D thừa nhận có nợ bà Na số tiền 90.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Na còn ông S cho rằng đối với khoản nợ này ông không biết nên không đồng ý trả cho bà Na. Xét thấy, bà D và ông S vẫn còn là vợ chồng, tại phiên tòa bà D xác định số tiền vay của bà Na là dùng để kinh doanh phát triển kinh tế gia đình và vay trong quá trình vợ chồng chung sống nên đây là khoản nợ chung của bà D và ông S. Ông S không đưa ra được chứng cứ chứng minh đây là nợ riêng của bà D, tại phiên tòa ông trình bày vốn dùng để kinh doanh là của ông và có phần của bà D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Na về việc buộc ông S liên đới với bà D trả tiền cho bà Na số tiền 90.000.000 đồng.

Tổng số tiền buộc bà D và ông S liên đới trả cho bà D là 302.340.000 đồng.

Bà D yêu cầu được trả tiền dần cho đến khi trả xong nhưng bà Na không đồng ý. Xét thấy, giữa các đương sự không thống nhất được phương thức trả tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét, giữa bà Ly N với bà D có quyền thỏa thuận phương thức trả tiền trong quá trình thi hành án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Kiều D phải chịu 302.340.000 đồng x 5% = 15.117.000 đồng. Bà Lê Ly N không phải chịu án phí, bà Ly N đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ly N về việc yêu cầu bà Nguyễn Kiều D và ông Nguyễn Văn S (Minh Đương) trả tiền vay.

Buộc bà Nguyễn Kiều D và ông Nguyễn Văn S liên đới trả cho bà Lê Ly N tổng số tiền 302.340.000 (ba trăm lẻ hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng, trong đó tiền vay gốc 286.500.000 đồng, tiền lãi 15.840.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Kiều D và ông Nguyễn Văn S phải chịu 15.117.000 (mười lăm triệu một trăm mười bảy nghìn) đồng.

Bà Lê Ly N không phải chịu án phí. Bà Lê Ly N đã nộp tạm ứng án phí 8.690.000 (tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011448 ngày 02 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Ly N, bà D và ông S có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng Chi